

Bản án số: **68/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/9/2025

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương**

Ông **Hà Ứng Cường**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - An Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Hồ Đức L**, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

* **Bị đơn:** Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1986 (Vắng mặt lần thứ hai không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp PhN, xã MTh B, huyện CTh, tỉnh KG (nay là ấp PhN, xã ThL, tỉnh AG).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Hồ Đức L** trình bày:

Vào năm 2007, anh và chị **Lê Thị D** chung sống vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống, anh và chị D có 02 người con chung tên Hồ Đức Th, sinh ngày 02/02/2008 và Hồ Đức Th1, sinh ngày 12/02/2009; có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh hạnh phúc, thời gian về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Anh và chị D đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2020 cho đến nay và không có biện pháp nào hàn gắn cuộc sống gia đình.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị D, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung tên Hồ Đức Th, sinh ngày 02/02/2008 và Hồ Đức Th1, sinh ngày 19/02/2009; không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi các con.

- Về tài sản chung: Anh xác nhận, anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị D đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D đều không có mặt và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của anh Hồ Đức L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- + Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa.

- + Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Đức L: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Đức L và chị Lê Thị D. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 cháu Hồ Đức Th, sinh ngày 02/02/2008 và Hồ Đức Th1, sinh ngày 12/02/2009 cho anh Hồ Đức L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi các con nên không xét. Về tài sản chung: anh L xác nhận, anh và chị D tự thỏa thuận nên không xét. Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Hồ Đức Lkhởi kiện tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn chị Lê Thị D có nơi thường trú tại ấp Phước Ninh, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Phước Ninh, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang).

Chị Lê Thị D chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của anh Hồ Đức L, mặc dù Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng chị D vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị D là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Đức L và chị Lê Thị D chung sống vợ chồng vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân không hợp pháp vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó, không công nhận anh Hồ Đức L và chị Lê Thị D là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Hồ Đức L xác nhận, trong thời gian chung sống, anh và chị Lê Thị D có 02 người con chung tên Hồ Đức Th, sinh ngày 02/02/2008 và Hồ Đức Th1, sinh ngày 12/02/2009; hiện nay đang sống chung với anh L. Anh L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung; không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi các con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị D chưa có ý kiến về việc nuôi con nhưng trong thời gian anh L và chị D sống ly thân với nhau cho đến nay thì

anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Hồ Đức Th, sinh ngày 02/02/2008 và Hồ Đức Th1, sinh ngày 12/02/2009. Bên cạnh đó, các cháu cũng có nguyện vọng được ở chung với cha. Do đó, HĐXX thống nhất, chấp nhận yêu cầu của anh L về việc nuôi con chung, giao 02 cháu Hồ Đức Th, sinh ngày 02/02/2008 và Hồ Đức Th1, sinh ngày 12/02/2009 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi các con nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này, anh L có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập chị D theo quy định pháp luật nhưng chị D vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa anh L và chị D được. Mặt khác, trong quá trình giải vụ án tại Toà án, anh L xác nhận trong thời gian chung sống cùng chị D, anh chị có tạo lập được tài sản chung nhưng anh và chị D sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, giữa anh và chị D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về tài sản chung và nợ chung, HĐXX không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Hồ Đức L là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Đức L và chị Lê Thị D.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Hồ Đức Th, sinh ngày 02/02/2008 và Hồ Đức Th1, sinh ngày 12/02/2009 cho anh Hồ Đức L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi các con nên HĐXX không xem xét.

Chị Lê Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Anh Hồ Đức L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng anh L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 33 ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; anh L không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hồ Đức L và chị Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo

